

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09-4-2021
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Miên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Sáu

2. Ông Đào Bá Lộc

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bình Em – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 54/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021, về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Bé Ch, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh L.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Công V, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh L.

(Bà Ch yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt, ông V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11-01-2021, bản tự khai và các lời trình bày trong các Biên bản tại Tòa án, nguyên đơn bà Võ Thị Bé Ch trình bày:

Bà và ông Phạm Công V quen biết nhau do tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1996 và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh L ngày 22/7/2002. Sau khi đăng ký kết hôn thì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, do ông V có tính tình gia trưởng, khắt khe, mỗi khi ông V

nhậu xin thường kiếm chuyện vô cớ và nói nhiều nên cuộc sống vợ chồng ngọt ngào, mệt mỏi. Thời gian đầu vì thương con nên bà cố gắng chịu đựng và sống theo ý của ông V. Nhưng mấy năm gần đây bà không thể nào chịu đựng được nên khoảng năm 2017 bà đã từng nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông V. Sau khi được hòa giải thì ông V hứa sẽ thay đổi nên bà cho ông V cơ hội và Tòa án nhân dân huyện B đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định số 65/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2018 nhưng từ đó đến nay ông V không hề thay đổi. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Công V.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Minh Th sinh năm 1997 và Phạm Hồng Ng sinh năm 2002, hiện nay hai con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Phạm Công V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân, tình trạng hôn nhân và con chung đúng như bà Ch trình bày, ông chỉ không đồng ý về mâu thuẫn vợ chồng. Theo ông thì ông chỉ quan tâm, chăm lo cho vợ con, những lúc bà Ch thoải mái với bạn bè của bà Ch nhưng điều kiện hoàn cảnh gia đình không khá giả nên ông thường khuyên bà Ch tiết kiệm và thận trọng trong việc chọn bạn chơi. Trong thời gian ông đi làm cả tháng xa nhà nhưng bà Ch không điện thoại hỏi thăm, gần đây bà Ch còn chặn số điện thoại của ông khiến ông không thể nào liên lạc được. Để hàn gắn tình cảm ông thường khuyên nhủ bà Ch nhưng bà Ch không hiểu nên mới nhận xét ông là khắt khe, nói nhiều. Nay bà Ch yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì còn thương vợ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Minh Th sinh năm 1997 và Phạm Hồng Ng sinh năm 2002, hiện nay hai con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Võ Thị Bé Ch yêu cầu ly hôn với ông Phạm Công V. Căn cứ Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn”, ông V có hộ khẩu thường trú tại ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh L nên thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L.

[2] Bà Võ Thị Bé Ch có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt. Ông Phạm Công V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Võ Thị Bé Ch và ông Phạm Công V có đăng ký kết hôn vào ngày 22/7/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Theo bà Ch trình bày vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, hai bên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên bà yêu cầu ly hôn với ông V. Ông V cho rằng do cách quan tâm của ông khiến bà Ch hiểu lầm chứ mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng. Tuy nhiên, ông V thừa nhận giữa hai vợ chồng khó nói chuyện với nhau vì bà Ch chặn số điện thoại của ông và không quan tâm hỏi han ông, giữa hai người không có tiếng nói chung. Hơn nữa, từ năm 2017 bà Ch đã nộp đơn khởi kiện ly hôn sau đó rút đơn nên được Tòa án nhân dân huyện B đình chỉ vào năm 2018 chứng minh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã phát sinh từ năm 2017 và hiện nay bà Ch tiếp tục yêu cầu ly hôn. Ông V không đồng ý ly hôn nhưng không có phương án hàn gắn để khắc phục tình trạng hiện tại. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Ch và ông V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Tòa án chấp nhận cho bà Võ Thị Bé Ch được ly hôn với ông Phạm Công V.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Ch và ông V có 02 con chung tên Phạm Minh Th sinh năm 1997 và Phạm Hồng Ng sinh năm 2002, hiện nay hai con đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ch và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[6] Về án phí: Bà Võ Thị Bé Ch phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bé Ch. Cho bà Võ Thị Bé Ch ly hôn với ông Phạm Công V.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Minh Th sinh năm 1997 và Phạm Hồng Ng sinh năm 2002, hiện nay hai con đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Võ Thị Bé Ch phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002784 ngày 21/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh L. Bà Võ Thị Bé Ch đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt Bản án hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện B;
- Cục THADS huyện B;
- UBND xã T, huyện B, tỉnh L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Miên

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Dương Thị Sáu – Phạm Văn Tám

Hồ Thị Miên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện B;
- Cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Miên